

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán			Vật lí		Hóa học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				M	15'	1T	15'	1T	1T	1T	1T	15'	1T	15'					
1	Hoàng Thị Lan	Anh	X	10	10	7.5	5	5.5	6.3	8.5	5.5	9	6	Đ	K			50	T
2	Lưu Hoàng	Anh		0	4	2	1	4.8	4	7	5	7	5.5	Đ	Y	1	0	50	T
3	Nguyễn Hoàng	Anh		0	6	5	1	3.5	5.3	6.5	6.5	5	4.3	Đ	Y			50	T
4	Nguyễn Thị Lan	Anh	X	0	3	3.5	0	3.3	2.8	8	6	8	3	Đ	Y			50	T
5	Bùi Thị Minh	Châu	X	7	5	4.3	1	7	8.5	6.5	4.5	3	3	Đ	Y			49	T
6	Lê Minh	Chiến		7	10	5	3	5.3	2.8	6	6.8	5	3.3	Đ	Y			49	T
7	Nông Nguyễn Quốc	Dũng		8	8	4.3	4	3.8	5.3	6	6	6	5.3	Đ	TB			50	T
8	Trương Vũ Trường	Giang		7	5	3.3	0	5	4.5	8	5.3	9	6	Đ	Y	1	0	49.5	T
9	Phạm Thị	Hà	X	7	4	6	4	5	5.5	6.5	6	7	5	Đ	TB	1	0	49	T
10	Phạm Ngọc	Hải		6	2	3	2	3	2.3	8.5	5.5	7	2.8	CĐ	Y			50	T
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	X	7	6	2.8	1	6	2.3	7	6.5	6	3	Đ	Y			48	T
12	Phan Nhật	Hào		8	7	7.3	5	6.3	8.8	6.5	7.3	6	5.8	Đ	K			50	T
13	Nguyễn Ngọc Kim	Hân	X	8	8	5	2	7.5	4.3	6.5	5	7	4.3	Đ	TB			50	T
14	Nguyễn Thanh	Hiền		8	7	2.8	0	5	3.5	7.5	6.3	6	5.3	Đ	Y	0	1	48.5	T
15	Đặng Quang	Hiệp		7	6	5	3	3.3	6.3	6	5.5	7	4.3	CĐ	Y			50	T
16	Ngô Tấn	Hoàng		10	0	6	10	6.5	2.5	7.5	6.5	7	2.8	CĐ	Y			50	T
17	Lê Huỳnh	Huy		0	0	1.5	0	1.8	2.8	6.5	3.5	4	4.3	Đ	Kem			49.5	T
18	Phạm Ngọc Gia	Huy		8	6	7	0	6	4.3	6.5	4	7	3.3	CĐ	Y			50	T
19	Phạm Quang	Huy		7	0	3.3	1	4	2	6	5.3	4	5	Đ	Y			50	T
20	Nguyễn Trương	Khoa		10	9	3.3	4	8.5	6.8	7	4.5	7	4.3	CĐ	Y			49	T
21	Trần Tấn	Khoa		0	0	1.3	1	3	4	7	5.8	5	3.8	CĐ	Kem			50	T
22	Nguyễn Trung	Kiên		9	8	6.3	5	7.8	5.8	7	5	7	7.3	CĐ	TB			50	T
23	Vũ Trung	Kiên				0		0	0	0	0		0	CĐ				50	T
24	Nguyễn Thị Thiên	Kim	X	7	7	5	3	5.3	3.5	6.5	6	9	5.8	CĐ	Y	1	0	49	T
25	Nguyễn Hồng	Ngọc		7	5	5	0	4	0.5	6	6	10	8.5	CĐ	Kem			50	T
26	Tạ Thị Hồng	Ngọc	X	9	7	5	0	2.8	1.5	6.5	5.5	6	3	Đ	Kem	1	0	48.5	T
27	Lê Khánh	Nhật		9	5	7.5	5	2.5	9	8.5	6.3	9	7	Đ	TB	1	0	50	T
28	Hồ Thị Thanh	Nhi	X	7	6	8	3	6.5	8.8	6.5	7	8	2.8	Đ	TB	1	0	49	T
29	Đặng Tuyết	Nhung	X	10	1	5.8	0	1.8	6.3	8	6.8	9	3.5	CĐ	Kem			47	T
30	Dương Hồng	Quang		7	1	6	6	7.5	6	7	5.5	10	8.5	Đ	TB			50	T

31	Đoàn Mai Thực	Quyên		7	5	5	1	2.5	5.8	7	6	8	6	CĐ	Y			50	T
32	Trịnh Thị Phương	Thanh	X	8	9	4.8	4	6.5	5	7	5	8	5.8	Đ	TB			50	T
33	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	X	8	7	7	2	9	6.5	7	5	9	6.3	Đ	K			49.5	T
34	Đặng Hoài	Thiện																50	T
35	Bùi Thị Xuân	Thủy	X	7	5	4.3	1	8	6.8	6	5.8	7	4	CĐ	Y			50	T
36	Lê Ngọc Thanh	Thư	X	0	0	2	2	3	1.8	6	4.5	7	4	CĐ	Kem			46.5	T
37	Lê Nguyễn Anh	Thư	X	7	6	3.3	0	5	3	8	5.5	7	6.5	CĐ	Y	1	0	49	T
38	Nguyễn Trọng	Thư		0	7	5	3	5	4.5	6.5	3.5	6	2.8	Đ	Y			49	T
39	Nguyễn Đặng Thủy	Tiên	X	8	10	4.3	8	6	4.3	8	5	8	5.3	Đ	TB	1	0	50	T
40	Tăng Thành Thị Thu	Trang	X	7	8	4.5	2	7.5	5	7	6.3	6	3.8	CĐ	Y			48	T
41	Trương Thành	Trí		0	6	6	4	4.5	3.8	7.5	5.8	8	6.3	CĐ	Y			48.5	T
42	Nguyễn Quốc Thành	Trung		8	6	4.3	3	8.8	6	7	5.3	5	3.3	Đ	TB			50	T
43	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	X	7	0	3	0	1	7.5	7	5.5	8	2.3	CĐ	Kem			46	T
44	Lê Ngọc Bảo	Uyên	X	6	0	4	4	5.5	4.5	7	5	7	5.3	Đ	TB			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

